

MỘT VÀI NÉT TÍNH CÁCH CỦA NGƯỜI VIỆT XƯA ĐƯỢC THỂ HIỆN QUA CA DAO, TỤC NGŨ

Trần Thu Hương

Khoa Tâm lý học

Đại học Khoa học xã hội và nhân văn

Ca dao, tục ngữ là vốn kinh nghiệm của cha ông ta đã được đúc kết qua thực tiễn của đời sống xã hội, là một di sản văn hóa dân tộc, là sự phản ánh khách quan các giá trị truyền thống của toàn bộ cộng đồng. Ca dao, tục ngữ không chỉ phản ánh đời sống lao động, sản xuất, sinh hoạt của dân tộc ta, mà còn phản ánh khá đậm nét những nét tính cách của con người Việt Nam. Từ kết quả nghiên cứu 1658 câu ca dao, tục ngữ, chúng tôi thấy một số nét tính cách được phản ánh qua ca dao, tục ngữ như sau:

1. Tính kiên trì, bền bỉ

Cuộc sống khó khăn, vất vả luôn phải phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên, thiên tai, dịch họa đã hình thành ở người Việt xưa phẩm chất chịu đựng gian khổ, lâu dần phẩm chất này trở thành một nét tính cách đẹp - kiên trì, bền bỉ: "*Chờ thấy sóng cả mà ngã tay chèo*"; Trong nhiều trường hợp nó trở thành một phẩm chất của ý chí, ý chí làm chủ cuộc sống, làm chủ hoàn cảnh, nỗ lực đạt đến cái đích trong hành động: "*Ai ơi giữ chí cho bền, dù ai xoay hướng đổi nền mặc ai*".

Chúng ta thấy nét tính cách kiên trì này được thể hiện ở mọi lúc, mọi nơi, trong mọi hoàn cảnh. Trong lao động sản xuất, người Việt cũng khuyên nhau phải kiên trì nhẫn nại, tiến hành các thao tác của chu trình sản xuất "*Có công mài sắt có ngày nên kim*", "*kiến tha lâu cũng đầy tổ*". Trong quan hệ ứng xử người ta cũng nhận thấy rằng muốn thành công, đạt được mục đích, mong muốn thì cũng phải kiên trì, nhẫn nại, để có thể hiểu người và hiểu cả chính mình: "*Biết mình biết ta trăm trận trăm thắng*", "*Một điều nhịn là chín điều lành*", hay "*Chữ nhẫn là chữ tương vàng, ai mà nhẫn được thì càng sống lâu*". Trong hoạt động quân sự, người Việt cũng khuyên nhau phải biết chịu đựng, chờ thời cơ: "*Nuôi quân ba năm dùng một ngày*". Trong quan hệ với con cái, sự kiên trì này thể hiện một cách rất đặc biệt ở phương châm giáo dục con cái: "*Uốn cây từ thuở còn non, dạy con từ thuở con còn thơ ngây*", họ đã truyền sự kiên trì sang con cái và dạy chúng: "*Có công mài sắt có ngày nên kim*", "*Non cao cũng có đường trèo, đường dẫu hiểm nghèo cũng có lối đi*".

Nét tính cách thích ứng này làm cho khả năng tư duy của người Việt trở nên nhanh nhạy hơn, linh hoạt hơn: "*Áo muốn dài thì lại thêm gấu*", "*Nhiều no ít đủ*". Trong nhiều trường hợp thích ứng dẫn đến sự cam chịu, nó thủ tiêu mặt năng động, tích cực hoạt động của cá nhân, dẫn đến tâm lý an phận, nhẫn nhịn: "*Con vua thì lại làm vua, con sãi ở chùa thì quét lá đa*", hay như sự chấp nhận "*số kiếp đàn bà*" của các cô gái: "*Thân em như hạt mưa sa,*

hạt vào điện các, hạt ra luống cày”.

Nghiên cứu ca dao, tục ngữ cho thấy nét tính cách như thực tế, thực dụng cũng được thể hiện. Đặc điểm tính cách này in đậm trong giao tiếp - ứng xử của người Việt, họ biết tận dụng các mối quan hệ đã có để đạt được mục đích trong giao tiếp: *“Cách sống nên phải lụy thuyền, những như đường liền ai phải lụy ai”*. Ngay cả trong quan hệ vợ chồng, người vợ cũng: *“Chiều chồng để lấy con”*. Hay như trong quan hệ với thầy giáo, muốn thầy quan tâm đến con mình, người xưa đã truyền nhau kinh nghiệm như sau: *“Qua sông thì phải lụy đò, muốn con hay chữ phải yêu lấy thầy”*...

Kết hợp với tính thực tế là tính cụ thể: *“Nói hay không tùy làm tốt”*, hay: *“Nói trăm thước không bằng bước một gang”*. Những cá nhân có nét tính cách cụ thể là kiểu người có biểu hiện hành vi bên ngoài thiên về thực hành, làm việc rất tốt, rất kiên trì, không ba hoa, nói suông.

Như vậy, bên cạnh nét tính cách kiên trì, bền bỉ, chịu thương, chịu khó của người nông dân còn có các nét tính cách thích ứng, thực tế, cụ thể. Mỗi nét tính cách giữ một vị trí, vai trò nhất định, có những ưu, nhược điểm riêng. Vấn đề ở chỗ là người Việt xưa cũng đã biết cách khắc phục các hạn chế đó và phát huy được những mặt tích cực để có thể duy trì và phát triển tính cách kiên trì, bền bỉ ở thế hệ hiện tại và thế hệ con cháu, làm thành những phẩm chất ý chí của nhân cách, làm nên bản sắc, tính cách và tâm hồn của dân tộc Việt.

2. Sự tôn trọng tình nghĩa

Trọng tình, trọng nghĩa hay nói cách khác sống vì tình, vì nghĩa là một phẩm chất nhân cách rất được đề cao trong cách ứng xử của người Việt xưa.

Chúng ta có thể tìm thấy trong ca dao, tục ngữ rất nhiều câu đề cập đến yếu tố tình cảm, tình nghĩa trong giao tiếp: *“Tứ hải giai huynh đệ, anh em bốn bể là nhà”*, *“Người với người là bạn”*, *“Đạo chơi quán cũng như nhà, lều tranh có nghĩa hơn tòa ngói cao”*, *“Sông sâu nước chảy đá mòn, cửa kia ăn hết, nghĩa còn ghi xương”*, *“Đường mòn nhân nghĩa chẳng mòn”*...

Tình cảm yêu thương, trọng nghĩa, trọng tình được đặt lên trên hết trong các mối quan hệ. Điều này thấy rất rõ trong cách bày tỏ tình cảm của trai gái khi yêu nhau, trong quan hệ vợ chồng, anh chị em, họ hàng làng nước...

Trai gái khi bày tỏ tình cảm với nhau cũng đặt sự thủy chung, tình nghĩa lên đầu: *“Rủ nhau xuống bể mò cua, đem về nấu quả mơ chua trên rừng, em ơi chua ngọt đã từng, non xanh nước bạc ta dùng quên nhau”*.

Ứng xử giữa các đôi vợ chồng cũng vậy, sự tôn trọng, tình nghĩa cũng được đặt lên trên hết. Người Việt thường hay nói đến tình nghĩa vợ chồng trong quan hệ vợ chồng: *“Chồng ta áo rách ta thương, chồng người áo gấm xông hương mặc người”*, hay *“Đôi ta lên thác xuống ghềnh, em ra đứng mũi cho anh chịu sào”*.

Nói tóm lại, có thể khẳng định, trọng tình, trọng nghĩa là đặc điểm nổi bật trong giao tiếp của người Việt, sở dĩ có đặc điểm này là do bản tính nhân văn của người Việt cộng với sự chi phối, dẫn đạo của các quan niệm đạo đức, giá trị chuẩn mực xã hội. Nhưng chính vì quá trọng tình nghĩa nên nhiều khi người Việt đã đẩy tình cảm lên trên hết, để nó chiếm một vị trí quan trọng trong ứng xử, dẫn đến *duy tình*, không khách quan trong khi nhìn nhận đánh giá người khác theo kiểu: *“Yêu nên đẹp, ghét nên xấu”*, *“Yêu nhau củ ấu cũng tròn, ghét nhau trái bồ hòn cũng méo”*.

Trọng tình nghĩa là một phẩm chất nhân cách, một tính cách đẹp và tạo nên nó còn có

sự kết hợp của *tinh thần đoàn kết*. Theo tôi, điều kiện khách quan và chủ quan cho sự xuất hiện tinh thần đoàn kết này là do chính cuộc sống nông nghiệp luôn luôn phải chống chọi với điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, để có thể tồn tại, cộng đồng cư dân người Việt phải đoàn kết lại với nhau, dựa vào nhau để có thể chinh phục tự nhiên, đảm bảo cho sự sinh tồn của mình.

Tinh thần đoàn kết của cộng đồng cũng được thể hiện khá rõ nét trong ca dao, tục ngữ. Ở mức độ cao nhất, quan hệ làng nước, tinh thần đoàn kết trở thành một phương châm sống, một mẫu hành vi điển hình: *"Một cây làm chẳng nên non, ba cây chụm lại nên hòn núi cao"*.

Trong quan hệ vợ chồng nó là thước đo bầu không khí hạnh phúc của mỗi gia đình nói chung, mỗi cặp vợ chồng nói riêng: *"Râu tôm nấu với ruột bầu, chồng chan vợ húp gát dầu khen ngon"*.

Trong quan hệ giữa anh chị em, tính đoàn kết được thể hiện ở yêu cầu: *"Khôn ngoan đối đáp người ngoài, gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau"*, đã là anh em thì phải hết lòng yêu thương nhau, dựa vào nhau, giúp đỡ lẫn nhau để tồn tại và phát triển.

Đối lập với tính đoàn kết là *thối đố kỵ, dèm pha gây mâu thuẫn, xung đột*; *"Không giận kẻ đố nhà, chỉ giận người huýt gió"*, *"Cây sắp đổ còn dấn thêm dầu"*, *"Quảng xương cho chó cắn nhau"*...

Một hệ quả xấu nữa của tính đoàn kết đó là *óc bè phái địa phương*, lối tư duy theo kiểu: *"Trống làng nào làng ấy đánh, thánh làng nào làng ấy thờ"*, từ đó dẫn đến quan niệm: *"Một người làm quan cả họ được nhờ"*. Cách suy nghĩ và hành động như vậy vô hình chung đã phá vỡ những thuộc tính bản chất nhất của tinh thần đoàn kết.

Có thể thấy, tính cách hay phẩm chất nhân cách trọng tình trọng nghĩa là giá trị và là một truyền thống mang tính nhân văn của cha ông ta. Làm nên truyền thống đó là sự kết hợp không thể thiếu của tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái. Tuy nhiên, tinh thần này đã dẫn tới một số biểu hiện tiêu cực như: tính quân bình cào bằng, thối đố kỵ dèm pha, tạo điều kiện để cái tôi của mỗi cá nhân có cơ hội thể hiện.

3. Coi trọng nhân phẩm, danh dự

Lịch sử tồn tại và phát triển của xã hội Việt Nam gắn liền với các cuộc đấu tranh chống giặc ngoại xâm và âm mưu đồng hóa, nô dịch về văn hóa của các thế lực bên ngoài. Hơn nữa, có thể thấy xã hội Việt Nam xưa chịu sự chi phối của hệ tư tưởng Nho giáo mà hệ tư tưởng này lại rất đề cao đến đạo đức, đến những giá trị làm người, đặc biệt với mẫu người quân tử, Nho giáo yêu cầu họ phải giữ vững cốt cách, sống trong sạch, đặt nhân phẩm danh dự của bản thân lên vị trí cao nhất: *"Trúc đầu cháy đốt ngay vẫn thẳng"*.

Chính vì vậy, phẩm chất này không chỉ chi phối quan niệm sống, hệ thống thái độ của mỗi cá nhân: *"Tốt danh hơn lành áo; Đói cho sạch, rách cho thơm; Trâu chết để da, người ta chết để tiếng"*, *"Người ta hữu tử hữu sinh, sống cho xứng phận chết dành tiếng thơm"*

Nó còn được thể hiện trong ứng xử hàng ngày giữa các cá nhân với nhau: *"Lời chào cao hơn mâm cỗ"*, *"ăn cỗ mời làm cỗ khiến"*, người ta sẵn sàng đến với nhau, giúp đỡ nhau chỉ khi nhận thấy mình đang được tôn trọng, quý mến.

Trên đây là một số nét tính cách trong số nhiều nét tính cách của người Việt được phản ánh trong ca dao, tục ngữ. Ca dao, tục ngữ không chỉ phản ánh những mặt tích cực, mà còn phản ánh những mặt tiêu cực của những nét tính cách này. Chính vì điều này mà ca dao, tục ngữ là một trong những công cụ giáo dục lối sống, đạo đức cho mọi người.